TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **164/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/09/2019
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Hà.

- Các Hội thẩm nhân dân*:*

1. Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí

2. Bà Thiều Thị Phi Loan - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B*:* Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 09 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1401/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 07 năm 2019 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2019/QĐXX-ST ngày 25/07/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Minh D, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu 2007, ấp L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu 2007, ấp L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông D có đơn xin vắng mặt, bà H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Hồ Minh D trình bày: ông và bà Phạm Thị H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung trong vấn đề tình cảm, tiền bạc trong gia đình. Cả hai đã ly thân với nhau và không sinh hoạt vợ chồng đã ba năm nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Minh C, sinh ngày: 26/04/2016. Ly hôn

ông đồng ý giao cháu C cho bà H nuôi dưỡng, tạm thời ông cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ mỗi tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà và ông D nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 2015 và được Uỷ ban nhân dân xã T (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn, hôn nhân tự nguyện.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không cùng tiếng nói chung trong vấn đề tình cảm do có tin đồn ông D có quan hệ bất chính với đồng nghiệp trong trường và về chuyện tiền bạc giữa hai người trước và trong thời gian bà mang thai. Cả hai đã ly thân với nhau và không sinh hoạt vợ chồng đã ba năm nay.

Tại phiên Tòa bà H trình bày: sau khi ông D nộp đơn xin ly hôn, vợ chồng bà vẫn sinh hoạt bình thường, do điều kiện công việc của ông D phải đi làm xa nên bà cũng không hỏi ông D lý do ông D nộp đơn xin ly hôn với bà. Nay ông D xin ly hôn với bà vì vẫn còn tình cảm với ông D, vì muốn con có tình cảm của cả cha lẫn mẹ hơn nữa mẹ ông D đang bị bệnh ung thư nên bà không đồng ý ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Minh C, sinh ngày: 26/04/2016. Ly hôn bà xin nuôi cháu C, tạm thời bà đồng ý để ông D cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ mỗi tháng..

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D

Về con chung: giao cháu Hồ Minh C, sinh ngày: 26/04/201cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng

Về tài sản chung+ nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

Về án phí HNGĐ-ST: ông D phải nộp theo quy định

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: ông D phải nộp theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Hồ Minh D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Hồ Minh D và bà Phạm Thị H tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn. Căn cứ điều 9, 10 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân của ông D, bà H là hợp pháp. Nay ông D xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của ông D: ông D xin ly hôn với bà H với lý do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung trong vấn đề tình cảm, tiền bạc trong gia đình. Cả hai đã ly thân với nhau và không sinh hoạt vợ chồng đã ba năm nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về phía bà H cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không cùng tiếng nói chung trong vấn đề tình cảm do có tin đồn ông D có quan hệ bất chính với đồng nghiệp trong trường và về chuyện tiền bạc giữa hai người trước và trong thời gian bà mang thai. Cả hai đã ly thân với nhau và không sinh hoạt vợ chồng đã ba năm nay. Tuy nhiên, vì vẫn còn tình cảm với nhau và vì muốn con có tình cảm của cả cha lẫn mẹ hơn nữa mẹ ông D đang bị bệnh ung thư nên bà không đồng ý ly hôn.

Tại phiên Tòa bà H cho rằng giữa bà và ông D không có phát sinh mâu thuẫn. Sau khi ông D nộp đơn xin ly hôn với bà, do ông D đi làm ở xa nên thỉnh thoảng có về và vợ chồng vẫn sinh hoạt với nhau bình thường, vì điều kiện công việc của ông bà nên bà cũng không tiện hỏi lý do ông D nộp đơn xin ly hôn với bà và vợ chồng cũng không có thời gian ngồi nói chuyện với nhau.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nhưng không có kết quả với lý do ông D và bà H ít khi có mặt ở nhà nên địa phương và hàng xóm không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà H.

Trên cơ sở tài liệu chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà H là có thật và thực sự đã đến mức trầm trọng bởi lẽ: quan hệ hôn nhân giữa ông bà chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa, ông bà cũng thừa nhận vợ chồng không có tiếng nói chung trong vấn đề tình cảm, ông bà đã sống ly thân với nhau gần ba năm nay, trong thời gian ba năm mà ông bà vẫn không cải thiện được quan hệ hôn nhân của mình nên có hàn gắn đoàn tụ ông bà cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau.

Từ những lý do trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông D. Cho ông D được ly hôn với bà H là phù hợp.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Minh C, sinh ngày: 26/04/2016. Ly hôn ông D, bà H thỏa thuận giao con cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông D cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ mỗi tháng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, sự không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận

[5] Về tài sản chung+ nợ chung: ông D, bà H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] **Về án phí cấp dưỡng**: ông D phải chịu án phí cấp dưỡng

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 203, khoản 2 điều 227, 228, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Hồ Minh D. Ông Hồ Minh D được ly hôn với bà Phạm Thị H

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Minh C, sinh ngày: 26/04/2016. Giao cháu Hồ Minh C, sinh ngày: 26/04/2016 cho bà Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng) tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu trưởng thành có khả năng lao động

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Minh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008555 ngày 25/06/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ông D đã nộp đủ án phí.

5. Về án phí cấp dưỡng: ông D phải nộp 300.000đ

Bà H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Nai (2);
-VKSND thành phố B(2);
-THA Dân sự (1);
TP B, tỉnh Đồng Nai (1);
-UBND Phường T, TP B(1).
-Đương sự (2)
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Mộng Hà